|  |
| --- |
| TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔNTỔ: ĐỊA LÍ |

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI CUỐI KÌ 1 NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: ĐỊA LÍ – KHỐI: 10 – BAN KHTN**

**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM.**

**BÀI 8: KHÍ QUYỂN, SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT.**

**Câu 1.** Khí quyển là

**A.** quyển chứa toàn bộ chất khí.

**B.** khoảng không gian bao quanh Trái Đất.

**C.** lớp không khí có độ dày khoảng 500 km.

**D.** lớp không khí bao quanh Trái Đất, chịu ảnh hưởng của vũ trụ.

**Câu 2.** Thành phần chính trong không khí là khí

**A.** Nitơ. **B.** Ô xi. **C.** Cacbonic. **D.** Hơi nước.

**Câu 3.** Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là năng lượng của

**A**. bức xạ mặt trời. **B**. lớp vỏ lục địa. **C.** lớp Man-ti trên. **D**. thạch quyển.

**Câu 4.** Nhiệt lượng Mặt Trời mang đến bề mặt Trái Đất luôn thay đổi theo vĩ độ là do

**A.** góc chiếu của tia bức xạ. **B.** mặt đất nhận nhiệt nhanh.

**C.** mặt đất tỏa nhiệt nhanh. **D.** mặt đất bức xạ khi lên cao.

**Câu 5.** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

**A.** bán cầu Tây. **B.** đại dương. **C.** lục địa. **D.** bán cầu Đông.

**Câu 6.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ theo vĩ độ địa lí?

**A**. Nhiệt độ trung bình năm tăng từ xích đạo về cực.

**B.** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất là ở chí tuyến.

**C.** Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về hai cực.

**D**. Biên độ nhiệt độ năm thấp nhất ở khu vực xích đạo.

**Câu 7.** Khu vực nào có biên độ nhiệt năm cao nhất trên Trái Đất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến. **C.** Ôn đới. **D.** Hàn đới.

**Câu 8.** Nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ Đông và bờ Tây lục địa chủ yếu do

**A.** vĩ độ địa lí. **B.** lục địa. **C.** dòng biển. **D.** địa hình.

**Câu 9.** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng nhiều đến sự khác nhau về nhiệt độ giữa bờ Đông và Tây lục địa?

**A**. Dòng biển nóng, dòng biển lạnh. **B.** Dòng biển lạnh, độ cao địa hình.

**C.** Độ cao địa hình, các vĩ độ địa lí. **D**. Các vĩ độ địa lí, dòng biển nóng.

**Câu 10**. Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ hơn lục địa vì

**A**. đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.

**B**. bề mặt các lục địa nhận được lượng bức xạ nhiều hơn đại dương.

**C**. đất hấp thụ nhiệt nhanh hơn nhưng tỏa nhiệt cũng nhanh hơn nước.

**D**. độ cao trung bình của các lục địa lớn hơn độ cao trung bình của các đại dương.

**Câu 11**. Càng lên vĩ độ cao biên độ nhiệt trong năm càng tăng là do

**A**. góc chiếu sáng nhỏ dần.

**B**. chênh lệch góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng trong năm tăng dần.

**C**. càng về cực thời gian chiếu sáng càng nhỏ.

**D**. góc nhập xạ lớn.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây **khôn**g đúng với sự phân bố nhiệt độ không khí theo địa hình?

**A**. Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm. **B**. Nhiệt độ thay đổi theo hướng sườn núi.

**C.** Nhiệt độ sườn dốc cao hơn sườn thoải. **D.** Càng lên cao, biên độ nhiệt độ càng lớn.

**Câu 13**. Khu vực có nhiệt độ trung bình năm cao nhất trên Trái Đất không phải là ở xích đạo mà ở vùng chí tuyến bán cầu Bắc chủ yếu do

**A.** xích đạo là vùng có nhiều rừng.

**B**. xích đạo quanh năm có góc nhập xạ lớn.

**C**. tỉ lệ diện tích lục địa ở khu vực xích đạo nhỏ, mưa nhiều.

**D**. khu vực xích đạo có tầng đối lưu dày.

**Câu 14.** Khi gió khô xuống núi; núi ở độ cao 2500m, nhiệt độ của không khí trong gió là

130C thì khi xuống đến độ cao 300m, nhiệt độ không khí trong gió sẽ là

**A.** 310C. **B.** 330C. **C.**350C. **D.** 370C.

**Câu 15**. Nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ có đặc điểm

**A**. tăng dần từ xích đạo về cực.

**B**. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

**C.** giảm dần từ xích đạo về cực.

**D**. không có sự thay đổi nhiều.

**Câu 16.** Khu vực nào có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến.

**C.** Ôn đới. **D.** Cực.

**Câu 17.** Khu vực nào có biên độ nhiệt năm cao nhất trên Trái Đất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến.

**C.** Ôn đới. **D.** Hàn đới.

**Câu 18.** Nhiệt độ không khí **không** thay đổi theo

**A**. độ cao địa hình. **B**. độ dốc địa hình.

**C.** hướng sườn núi. **D**. hướng dãy núi.

**BÀI 9: KHÍ ÁP VÀ GIÓ.**

**Câu 19.** Khí áp là sức nén của

**A**. không khí xuống mặt Trái Đất. **B**. luồng gió xuống mặt Trái Đất.

**C.** không khí xuống mặt nước biển. **D**. luồng gió xuống mặt nước biển.

**Câu 20.** Các vành đai khí áp nào sau đây là áp cao?

**A.** Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, ôn đới. **C.** Ôn đới, cực. **D**. Cực, chí tuyến.

**Câu 21.** Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do nhiệt lực?

**A**. Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, cực. **C.** Cực, xích đạo. **D**. Ôn đới, chí tuyến.

**Câu 22.** Khí áp giảm khi nhiệt độ

**A.** tăng lên. **B.** giảm đi. **C.** không tăng. **D.** không giảm.

**Câu 23.** Vành đai áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

**A.** Cực. **B**. Ôn đới.

**C.** Chí tuyến. **D**. Xích đạo.

**Câu 24.** Gió nào sau đây thay đổi hướng theo ngày đêm?

**A.** Gió Tây ôn đới. **B.** Gió Mậu dịch.

**C.** Gió đất, gió biển. **D.** Gió fơn.

**Câu 25.** Gió Mậu dịch có tính chất

**A.** khô, ít mưa. **B.** ẩm, mưa nhiều.

**C.** lạnh, ít mưa. **D.** nóng, mưa nhiều.

**Câu 26.** Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

**A**. Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, ôn đới.

**C.** Ôn đới, xích đạo. **D**. Cực, chí tuyến.

**Câu 27**. Các khu áp thấp thường là nơi có lượng mưa

**A**. lớn. **B**. nhỏ.

**C**. trung bình. **D**. rất nhỏ.

**Câu 28**. Khu vực xích đạo có lượng mưa

**A**. ít nhất. **B**. nhiều nhất.

**C**. trung bình. **D.** tương đối nhiều.

**Câu 29.** Miền có Frông, nhất là dãy hội tụ nhiệt đới đi qua thường

**A.** không mưa. **B.** mưa nhiều.

**C.** khô hạn. **D.** mưa rất ít.

**Câu 30.** Nơi có dòng biển nóng chảy qua thì

**A.** mưa nhiều. **B.** trung bình.

**C.** mưa ít. **D.** không mưa.

**Câu 31.** Ở địa hình núi cao, sườn đón gió là sườn có lượng mưa

**A.** nhiều. **B.** ít mưa.

**C.** không mưa. **D.** khô ráo.

**Câu 32.** Nhân tố nào sau đây thường gây ra mưa nhiều?

**A**. Dòng biển lạnh. **B.** Dải hội tụ nhiệt đới.

**C.** Gió Mậu dịch. **D.** Gió Đông cực.

**Câu 33**. Hiện tư­ợng xảy ra khi nhiệt độ tăng là

**A**. không khí co lại, tỉ trọng giảm nên khí áp tăng.

**B**. không khí nở ra, tỉ trọng giảm nên khí áp giảm.

**C**. không khí co lại, tỉ trọng tăng nên khí áp tăng.

**D**. không khí nở ra, tỉ trọng tăng nên khí áp tăng.

**Câu 34.** Gió mùa là loại gió thổi theo mùa với đặc tính

**A.** mùa hạ gió nóng khô, mùa đông gió lạnh ẩm. **B.** mùa hạ gió nóng ẩm, mùa đông gió lạnh khô.

**C.** mùa hạ gió mát mẻ, mùa đông gió ấm áp. **D.** mùa hạ gió nóng bức, mùa đông gió lạnh ẩm.

**Câu 35.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự phân bố của khí áp?

**A.** Các đai khí áp phân bố liên tục theo các đường kinh tuyến

**B.** Trên Trái Đất có 7 đai khí áp chính

**C.** Hai đai áp cao được ngăn cách với nhau bởi 1 đai áp thấp

**D.** Gió thường xuất phát từ các áp cao

**Câu 36.** Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp ở lục địa và đại dương theo mùa?

**A.** Giữa lục địa và đại dương có sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều theo mùa.

**B.** Các vành đai khí áp phân bố xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

**C.** Các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

**D**. Hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

**Câu 37.** Khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa thường có lượng mưa lớn là do

**A.** gió mùa mùa Đông thường đem mưa đến.

**B.** gió mùa mùa hạ thổi từ biển vào thường xuyên đem mưa đến.

**C.** cả gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa Đông đều đem mưa lớn đến.

**D.** thường xuyên chịu ảnh hưởng của áp thấp.

**Câu 38.** Vùng Bắc Trung Bộ nước ta, sườn đông dãy Trường Sơn có gió phơn (gió Lào) khô nóng là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Có khí áp cao. **B.** Có gió khô Tây Nam thổi đến.

**C.** Có gió Mậu Dịch thổi đến. **D.** Do ảnh hưởng của địa hình chắn gió.

**BÀI 10: MƯA**

**Câu 39**. Khu vực xích đạo có lượng mưa

**A**. ít nhất. **B**. nhiều nhất. **C**. trung bình. **D.** tương đối nhiều.

**Câu 40.** Miền có Frông, nhất là dãy hội tụ nhiệt đới đi qua thường

**A.** không mưa. **B.** mưa nhiều. **C.** khô hạn. **D.** mưa rất ít.

**Câu 41**. Cùng một dãy núi sườn đón gió thường có

**A**. mưa nhiều. **B**. mưa ít. **C**. không còn mưa. **D.** không khí khô ráo.

**Câu 42.** Nơi có dòng biển nóng chảy qua thì

**A.** mưa nhiều. **B.** trung bình. **C.** mưa ít. **D.** không mưa.

**Câu 43.** Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa là

**A.** khí áp, frông, gió, địa hình, thổ nhưỡng. **B.** khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.

**C.** khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi. **D**. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.

**Câu 44.** Các khu áp cao th­ường có mưa rất ít hoặc không có mưa là do

**A.** có ít gió thổi đến, độ ẩm không khí rất thấp.

**B.** nằm sâu trong lục địa, độ ẩm không khí rất thấp.

**C.** chỉ có không khí khô bốc lên cao, độ ẩm rất thấp.

**D.** không khí ẩm không bốc lên đư­ợc lại chỉ có gió thổi đi.

**Câu 45.** Những địa điểm nào sau đây thường có mưa ít?

**A.** Khu vực khí áp thấp, nơi có frông hoạt động.

**B**. Nơi có dải hội tụ nhiệt đới, khu vực áp cao.

**C.** Sườn núi khuất gió, nơi có dòng biển lạnh.

**D**. Miền có gió mùa, nơi có gió luôn thổi đến.

**Câu 46.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

**A**. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo. **B.** Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

**C.** Mưa nhiều ở vùng vĩ độ trung bình. **D**. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

**Câu 47.** Phân bố lượng mưa trên các lục địa theo vĩ tuyến 300 Bắc từ Đông sang Tây

**A.** tăng dần. **B.** giảm dần. **C.** không giảm. **D.** không tăng.

**Câu 48**. Các hoang mạc lớn trên thế giới thường phân bố ở khu vực cận chí tuyến chủ yếu là do

**A**. nhận đư­ợc nguồn bức xạ từ Mặt Trời lớn. **B**. dòng giáng từ trên cao khí quyển xuống.

**C**. khu vực áp cao thống trị, dòng biển lạnh. **D**. có lớp phủ thực vật thư­a thớt, dòng biển lạnh.

**Câu 49.** Vào mùa Thu - Đông ở dãy Trường Sơn nước ta, sườn có mưa nhiều là

**A.** Trường Sơn Đông. **B.** Trường Sơn Tây.

**C.** cả hai sườn đều mưa nhiều. **D.** không có sườn nào.

**Câu 50.** Những khu vực nằm ven dòng biển nóng có mưa nhiều tiêu biểu như

**A.** Tây Âu, Đông Braxin. **B.** Tây Nam Phi, Tây Nam Nam Mĩ.

**C.** Tây Âu, Đông Nam Á. **D.** Đông Á, Đông Phi.

**PHẦN 2: TỰ LUẬN.**

**Câu 1: Địa hình ảnh hưởng như thế nào đến sự phân bố nhiệt độ không khí?**

* Nhiệt độ không khí giảm dần theo độ cao: càng lên cao nhiệt độ càng giảm, lên cao 100m, nhiệt độ giảm 0,6oC. Do càng lên cao không khí càng loãng, không hấp thụ và giữ được nhiều nhiệt.
* Nhiệt độ không khí còn phụ thuộc vào độ dốc và hướng phơi của sườn núi.

+ Sườn núi dốc, góc nhập xạ nhỏ -> lượng nhiệt nhận được ít và ngược lại.

+ Sườn đón ánh sáng Mặt Trời có nhiệt độ cao hơn sườn khuất ánh sáng mặt trời.

**Câu 2: Dựa vào hình các đai khí áp và gió trên Trái đất em hãy:**

**a) Xác định các đai khí áp cao và đai khí áp thấp trên Trái Đất.**

**b) Nguyên nhân thay đổi của khí áp.**

**c) Trình bày đặc điểm các loại gió trên Trái Đất.**



**Trả lời:**

**a) Xác định các đai khí áp cao và đai khí áp thấp trên Trái Đất.**

- Trên bề mặt Trái Đất có 4 đai áp cao (2 đai áp cao cực, 2 đai áp cao cận chí tuyến) và 3 đai áp thấp (2 đai áp thấp ôn đới và đai áp thấp xích đạo).

=> Các đai khí áp phân bố xen kẽ, đối xứng nhau qua đai áp thấp Xích đạo.

**b) Nguyên nhân thay đổi của khí áp.**

- Khí áp thay đổi theo độ cao: Càng lên cao không khí càng loãng, sức nén không khí nhỏ -> khí áp giảm.

- Khí áp thay đổi theo nhiệt độ:

+ Nhiệt độ tăng, không khí nở ra, tỉ trọng giảm, khí áp giảm.

+ Nhiệt độ giảm, không khí co lại, tỉ trọng tăng, khí áp tăng.

- Khí áp thay đổi theo độ ẩm: Không khí chứa nhiều hơi nước -> Khí áp giảm.

**c) Trình bày đặc điểm một số loại gió trên Trái Đất.**

*- Gió Tây ôn đới*

+ Thời gian: Thổi quanh năm.

+ Phạm vi hoạt động: từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp ôn đới.

+ Hướng gió: tây nam ở bán cầu Bắc và tây bắc ở bán cầu Nam.

+ Tính chất: độ ẩm cao, thường gây mưa phùn và mưa nhỏ.

*- Gió Mậu dịch (Tín phong)*

+ Thời gian: Thổi quanh năm.

+ Phạm vi hoạt động: từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo.

+ Hướng gió: đông bắc ở bán cầu Bắc và đông nam ở bán cầu Nam.

+ Tính chất: khô.

**Câu 3: Trình bày sự phân bố lượng mưa trên Trái đất**

***a/ Phân bố theo vĩ độ***

* Mưa nhiều nhất ở xích đạo.
* Mưa nhiều ở 2 vùng ôn đới.
* Mưa tương đối ít ở chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam
* Mưa rất ít ở gần cực Bắc và cực Nam.

***b/ Phân bố theo khu vực***

* Mưa nhiều hay ít còn phụ thuộc vào vị trí gần hay xa đại dương, nơi có dòng biển nóng hay lạnh chảy ven bờ.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**CHÚC CÁC EM HỌC SINH ÔN TẬP VÀ THI TỐT!!!**